TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 5 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN TOÁN – KHỐI 5
PHIẾU SỐ 18

Thời gian làm bài: 40 phút

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

Câu 1. Dấu thích hợp điền vào chỗ chấm: 81,1 …… 81,10

A. > **B.** < **C.** =

Câu 2. Hỗn số 71 57/100 viết dưới dạng số thập phân là:

A. 71,057 **B.** 710,57 **C.** 71,57 **D.** 72,57

Câu 3. Phân số 1/2 viết thành phân số thập phân là:

A. 1/10 **B.** 5/10 **C.** 6/10 **D.** 5/100

Câu 4. 95,263 : 0,1 = ……

A. 95 263 **B.** 952,63 **C.** 9,5263 **D.** 9526,3

Câu 5. 3 m 53 cm = …… m

A. 8,3 **B.** 30,53 **C.** 3,053 **D.** 3,53

Câu 6. Hình thang có đáy lớn 22 cm, đáy bé 8 cm, chiều cao 6 cm. Diện tích hình thang là:

A. 180 cm² **B.** 90 cm² **C.** 528 cm² **D.** 36 cm²

PHẦN 2. TỰ LUẬN *(Học sinh trình bày lời giải)*

Bài 1. Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) Đường kính của hình tròn gấp 2 lần bán kính	
b) Diện tích hình tam giác bằng độ dài đáy nhân với chiều cao	
c) Hỗn số 2 1/2 bằng 2,1	
d) Phân số 3/4 viết được thành số thập phân 0,75	

Bài 2. Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm:

a) Số gồm 61 đơn vị, 7 phần mười, 4 phần trăm, 8 phần nghìn viết là: ……

b) Phân số 3/8 viết dưới dạng số thập phân: ……

c) Hỗn số 6 96/100 viết dưới dạng số thập phân: ……

Bài 3. Tính bằng cách thuận tiện:

a) 2,5 × 9,55 × 4 = ……

b) 1,96 × 7,4 + 1,96 × 2,6 = ……

c) 13,4 + 13,2 + 1,6 + 1,8 = ……

Bài 4. Viết số thập phân (hoặc số) thích hợp vào chỗ chấm:

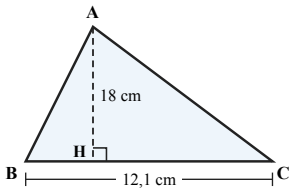
a) 1 m 4 cm = …… m

b) 7 kg 94 g = …… kg

c) 2 km² = …… ha

d) 4700 m² = …… ha

Bài 5. Cho hình tam giác ABC có đáy BC = 12,1 cm, chiều cao AH = 18 cm (như hình). Viết số thích hợp vào chỗ chấm:



a) Diện tích hình tam giác ABC: …… cm²

b) Nếu kéo dài đáy BC thêm 6 cm thì diện tích tăng thêm: …… cm²

Bài 6. Một tổ may cắt 4 chiếc áo, mỗi chiếc dùng hết 2,1 m vải. Giá mỗi mét vải là 95 000 đồng. Hỏi tổ đó đã dùng hết bao nhiêu mét vải và phải trả bao nhiêu tiền?

a) Số mét vải đã dùng: …… m

b) Số tiền phải trả: …… đồng

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 5 · Phiếu số 18

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	C	C	B	B	D	B

Phần 2. Tự luận

Bài 1.

a) Đ; b) S; c) S; d) Đ

Bài 2.

a) 61,748

b) 3/8 = 375/1000 = 0,375

c) 6,96

Bài 3.

a) (2,5 × 4) × 9,55 = 10 × 9,55 = 95,5

b) 1,96 × (7,4 + 2,6) = 1,96 × 10 = 19,6

c) (13,4 + 1,6) + (13,2 + 1,8) = 15 + 15 = 30

Bài 4.

a) 1,04

b) 7,094

c) 200

d) 0,47

Bài 5.

S = 12,1 × 18 : 2 = 108,9 (cm²)

Phần tăng thêm là tam giác có đáy 6 cm, chiều cao 18 cm: 6 × 18 : 2 = 54 (cm²)

Bài 6.

Số vải: 2,1 × 4 = 8,4 (m)

Số tiền: 95 000 × 8,4 = 798 000 (đồng)